TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Bé N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 850, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Hoàng L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 57B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

3.2. Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 57B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Bé N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị Võ Bé N và anh Lê Hoàng L được cha mẹ hai bên mai mối rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng

đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2012 tại UBND xã T.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, hòa giải được. Đến năm 2020, anh L không chăm lo làm ăn mà tham gia đánh bạc lắc tài xỉu gây nợ làm cho cha mẹ chồng phải trả nợ thay anh, anh L còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong khoảng thời gian 3-4 tháng, chị không biết người phụ nữ này họ tên là gì và địa chỉ ở đâu. Chị có khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi, từ đó tình cảm giữa chị và anh L trở nên xa cách, không còn hạnh phúc. Thời gian tháng 9/2020 thì anh L và chị N đi làm kiếm tiền để trả nợ, tuy nhiên vợ chồng không làm cùng một chỗ mỗi người ở một nơi, cho đến tháng 01/2021 vợ chồng cùng về quê ăn tết, sau đó cùng đi làm thì vợ chồng có hàn gắn tình cảm và sống chung được 01 tháng nhưng lại có mâu thuẫn phát sinh cự cãi, rồi anh L dọn đi làm ở nơi khác, từ đó vợ chồng cắt liên lạc cho đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau chị N và anh L không có hàn gắn tình cảm.

Nay chị Võ Bé N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thiện Đ, sinh ngày 13/8/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh L và ông bà nội Lê Văn T, Huỳnh Thị Kim L. Sau khi ly hôn, chị N đồng ý giao con chung cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, chị N đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Thiện Đ đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hoàng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất, anh L và chị Võ Bé N kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào ngày 28/8/2012. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở mái mối.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh L có tham gia đánh bạc lắc tài xỉu gây nợ. Từ tháng 01/2021 đến nay, anh L và chị N không còn sống chung với nhau. Khoảng thời gian sống xa nhau, vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay anh Lê Hoàng L đồng ý ly hôn với chị Võ Bé N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thiện Đ, sinh ngày 13/8/2013. Hiện nay con chung đang sống với anh L và ông bà nội Lê Văn T, Huỳnh Thị Kim L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thiện Đ, và đồng ý chị N cấp dưỡng nuôi con chung Thiện Đ đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:*

Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị Kim L là ông bà nội của cháu Lê Thiện Đ. Hiện nay, cháu Lê Thiện Đ đang sống chung với anh L, khi anh Lê Hoàng L đi làm thì cháu Thiện Đ được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Võ Kim N hoặc anh Lê Hoàng L trực tiếp nuôi con thì ông bà đồng ý giao cháu Thiện Đ cho chị N hoặc anh L theo quyết định của Tòa án.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Bé N đối với anh Lê Hoàng L.

Về con chung: Giao cháu Lê Thiện Đ, sinh ngày 13/8/2013 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Thiện Đ đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Bé N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Hoàng L có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Bé N và anh Lê Hoàng L là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/8/2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh L trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh L có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và về kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh L không chăm lo làm ăn để cùng chị N xây dựng gia đình mà còn tham gia đánh bạc gây nợ nần, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh L có có 01 con chung tên Lê Thiện Đ, sinh ngày 13/8/2013. Hiện nay, con chung đang sống với anh L và ông bà nội Lê Văn T, Huỳnh Thị Kim L. Tại phiên tòa, anh L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thiện Đ, chị N đồng ý giao con chung cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thiện Đ sống với anh L đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 27/4/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L được trực tiếp nuôi con chung Lê Thiện Đ là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Thiện Đ cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị N.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Bé N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Bé N được ly hôn với anh Lê Hoàng L.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thiện Đ, sinh ngày 13/8/2013 cho anh Lê Hoàng L trực tiếp muôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Bé N, chị N thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thiện Đ cho đến khi thành niên và có khả năng lao động với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022.

Chị N và anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001398 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị N phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện B, Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ